

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Vinacomin, số 3 Dương Đình Nghệ, Cầu Giấy, Hà Nội

www.dbvi.com.vn

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(Sửa đổi lần thứ 12)

Hà Nội, tháng 05 năm 2025



MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Thuật ngữ.....	1
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	1
CHƯƠNG II CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 4. Chức năng của Hội đồng Quản trị.....	2
Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	2
Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị	7
Điều 11. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	8
Điều 12. Công khai lợi ích, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 13. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG III BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 14. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG IV MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	11
Điều 15. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 16. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.....	12
Điều 17. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.....	13
CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	13
Điều 18. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế.....	13
Điều 19. Tổ chức thực hiện.....	14

Hà Nội, ngày 09 tháng 5 năm 2025

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cách thức tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn bảo hiểm DBV (Bảo hiểm DBV); phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị; mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Điều 2. Thuật ngữ

1. Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị làm việc toàn thời gian và duy nhất tại Công ty theo sự phân công của Hội đồng quản trị.
2. Các thuật ngữ khác áp dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và/hoặc trong Luật Doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị phải tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và các quy định khác có liên quan của Pháp luật.
2. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, các thành viên Hội đồng quản trị cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý của Công ty (trừ thành viên Hội đồng quản trị không biểu quyết hoặc phản đối).
3. Thành viên Hội đồng quản trị tôn trọng quyền kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện.
4. Việc sử dụng các Ban chức năng và/hoặc các chuyên viên tại Trụ sở chính để giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn, đánh giá về các vấn đề có liên quan phải được dựa trên quy chế làm việc, quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II
CHỨC NĂNG, TỔ CHỨC, QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Chức năng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có từ ba (03) người đến mười một (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

3. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 6. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư hoặc bán tài sản trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và các chức danh Người quản lý khác do Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện quản lý phần vốn góp, tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc tham gia hợp Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, Quyết định chuyển địa điểm đặt Trụ sở chính, quyết định thành lập công ty con; Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành trong thời hạn mười (10) ngày cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 8. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện kết hợp giữa quyền hạn, trách nhiệm của tập thể Hội đồng quản trị với quyền hạn, trách nhiệm cá nhân từng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết đồng ý/không đồng ý của các thành viên Hội đồng quản trị ngang nhau thì phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị có giá trị quyết định.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Tất cả các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều phải lấy ý kiến biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị (có thể dưới hình thức biểu

quyết trực tiếp tại phiên họp Hội đồng quản trị hoặc biểu quyết dưới hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định).

5. Thành viên không tán thành có quyền bảo lưu ý kiến của mình trong Biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc trên phiếu lấy ý kiến, nhưng phải nghiêm chỉnh chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi Hội đồng quản trị đã thông qua.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được phân công chuyên trách có trách nhiệm nghiên cứu các nội dung có liên quan đã được Tổng Giám đốc trình lên hoặc báo cáo, đề xuất ý kiến hoặc biện pháp giải quyết để Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị.

Điều 9. Cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp, biểu quyết Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định tại Điều 30 và các quy định có liên quan tại Điều lệ Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi thành biên bản. Biên bản cuộc họp được lập bằng tiếng Việt, có thể lập song song bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều

158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

Điều 10. Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%) hoặc thông qua ý kiến bằng văn bản, Email. Trường hợp số phiếu, ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì lá phiếu, ý kiến của Chủ tịch là lá phiếu, ý kiến quyết định.

2. Một số vấn đề trọng yếu, Hội đồng quản trị thông qua khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản trị trở lên bỏ phiếu tán thành gồm:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc; Quy định tiêu chuẩn của Tổng giám đốc;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm;

c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;

d) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

đ) Thông qua Quy chế tài chính;

e) Quyết định mô hình Công ty, tổ chức lại, sáp nhập, giải thể Công ty;

g) Việc chào bán, phát hành cổ phiếu của Công ty;

h) Thông qua đề trình Đại hội đồng cổ đông việc đầu tư, bán số tài sản và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

i) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề dưới đây được thông qua nếu được toàn bộ thành viên dự họp có quyền biểu quyết tán thành theo quy định tại Khoản 14 Điều 30 Điều lệ Công ty:

a) Giao dịch giữa công ty với cổ đông nắm giữ từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty trở lên, người đại diện của cổ đông này, người liên quan của cổ

đồng này hoặc người liên quan của người đại diện của họ;

b) Định giá tài sản không phải là tiền mặt được sử dụng trong trường hợp phát hành cổ phần, trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ, trừ trường hợp việc định giá được thực hiện bởi tổ chức định giá độc lập.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển hoặc chỉ đạo Thư ký Công ty chuyển Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 11. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Quy chế này và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, thư điện tử (Email). Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là ba (03) ngày, trong trường hợp cấp bách có thể lấy lý kiến và trả lời ý kiến trong vòng hai mươi tư (24) giờ. Sau hai (02) ngày kể từ thời hạn trả lời ý kiến, thành viên không cho ý kiến trả lời được coi là đồng ý với nội dung lấy ý kiến.

2. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tới từng thành viên Hội đồng quản trị.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;

c) Thời hạn trả lời ý kiến;

d) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị (Trừ trường hợp xin ý kiến qua Email).

4. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Công ty.

5. Kết quả lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị phải được Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị lập thành Biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị và dự thảo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, tập hợp ý kiến, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, Email có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản, qua Email không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Điều 12. Công khai lợi ích, trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên phải kê khai các lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó từ 5% vốn điều lệ trở lên;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản

trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

7. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

8. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội

đồng quản trị

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 12 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, trong thời gian ba (03) năm trước ngày được bầu.
2. Các giao dịch giữa Công ty với doanh nghiệp trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

CHƯƠNG III

BỘ MÁY GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Bộ máy giúp việc trực thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị từng thời kỳ, Hội đồng quản trị sẽ quyết định thành lập bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương. Tổ chức và nhiệm vụ của bộ máy giúp việc, các tiểu ban hoặc tương đương do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức

hợp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 16. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị giao cho Tổng giám đốc trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định và các văn bản có liên quan của Hội đồng quản trị. Nghị quyết, quyết định phải quy định rõ trách nhiệm báo cáo của Tổng giám đốc trong trường hợp quá trình thực hiện thấy có những vấn đề không phù hợp hoặc không có lợi cho Công ty để Tổng giám đốc báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh thì Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện, nhưng Tổng giám đốc có quyền bảo lưu ý kiến.

2. Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc giúp Hội đồng quản trị xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

3. Hàng tháng, quý, sáu tháng và năm, Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị: Tình hình hoạt động kinh doanh, kết quả thực hiện Nghị quyết, Quyết định, văn bản có liên quan của Hội đồng quản trị, các kiến nghị (nếu có) và kế hoạch hoạt động trong thời gian tới của Công ty (chậm nhất là mười lăm (15) ngày sau tháng, quý phải báo cáo).

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể tham dự bất kỳ các cuộc họp do Tổng giám đốc hay Phó Tổng giám đốc chủ trì. Hàng năm, Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc với các đơn vị trực thuộc của Công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch kinh doanh và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và để kịp thời xử lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị sử dụng và quản lý con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành

6. Các công văn tài liệu giao dịch gửi đến cho Hội đồng quản trị, sau khi vào sổ theo dõi phải được chuyển cho Chủ tịch, Thư ký Công ty để xử lý.

7. Các cuộc họp do các cơ quan chức năng, các đối tác, khách hàng mời Công ty

tham dự (trừ trường hợp mời đích danh) có tính chất đặc biệt quan trọng, có liên quan đến cơ chế, chính sách hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Tổng giám đốc thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị được biết hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách khác tham dự nếu thấy cần thiết.

Điều 17. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại Trụ sở chính, Công ty thành viên, Sở Giao dịch, Chi nhánh, Văn phòng khu vực và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

5. Tất cả các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp theo dõi, chỉ đạo quá trình chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai phạm của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy chế

1. Các thành viên Hội đồng quản trị và các đơn vị cá nhân có liên quan trong

Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

2. Cá nhân nào vi phạm các quy định trong Quy chế này, tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định hiện hành có liên quan.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực từ ngày 06/5/2025
2. Quy chế này thay thế cho Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị ngày 06/9/2024.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị, các cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lê Tuấn Dũng

